TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 97/2024/QĐ-PT	*Đà Nẵng, ngày 29 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Hội đồng phiên họp phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Đặng Kim Nhân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 118/2023/QĐST-HC ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào Điều 143, Điều 144 và Điều 165 của Luật tố tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"* giữa:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1941; địa chỉ: Khối phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1973; địa chỉ: Khối phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Số 80 đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Số 105B Phan Đình Phùng, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Ban Quản lý chợ thành phố T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Khối phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

3. Ông Nguyễn Xuân N1, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 16 đường A1, phường M, quận N2, thành phố Đà Nẵng.

4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970; địa chỉ: Kiệt 687 đường P1, phường H1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

5. Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1973; địa chỉ: Khối phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

6. Ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 55 đường Đ, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN THẤY

Tại đơn kháng cáo đề ngày 28/8/2023, người khởi kiện bà Nguyễn Thị C kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 118/2023/QĐST-HC ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ này.

Tại phiên họp phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng phiên họp bác kháng cáo của người khởi kiện; vì Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng pháp luật.

XÉT THẤY

[1] Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có kháng cáo, thể hiện:

Vào ngày 22/11/1970, giữa ông Đường Học A2 (bên bán) và bà Nguyễn Thị C (bên mua) có lập tờ bán đứt đất với nội dung: "Tôi đàng bán có đứng nghiệp chủ một lô đất chỉ ra dưới đây tọa lạc tại xứ cồn N3, nay thuộc Khu phố A, Xã T, Quận T, Tỉnh Quảng Tín, sổ hiệu miếng đất, sở hữu chủ Đường Học A2, loại đất, diện tích: Thổ cư, 270m^2, tứ cận:.., theo giấy xét quyền nghiệp chủ ngày 22-12 năm Bảo Đại Thứ 13 và họa đồ phân ranh do Ty Điền Địa cấp ngày 18/6/1970. Nay tôi đứng tờ này bán đứt và vĩnh viễn lô đất kể trên cho bà Nguyễn Thị C...Tôi đàng bán đã nhận lảnh đủ số tiền bán trên nên biên nhận nơi đây cho chủ mua để làm bằng...", được Xã Trưởng Xã T thị nhận (số 67/VPHC/XTK).

Theo bà C, sau khi mua đất, gia đình bà vẫn sử dụng liên tục và đã nộp thuế từ năm 1986 đến năm 1996, kể từ năm 1997, không hiểu vì lý do gì mà UBND thị xã (nay là thành phố T) không cho gia đình bà kê khai đăng ký quyền sử dụng đất để chuyển đổi cấp GCNQSDĐ nên cho đến nay, gia đình bà vẫn còn nguyên giấy tờ chứng nhận quyền nghiệp chủ của bà đối với diện tích 270m^2 đất mà bà đã mua của ông Đường Học A2 do Ty Điền địa tỉnh Quảng Tín thuộc chính quyền chế độ cũ cấp; đồng thời, không cho bà tiếp tục nộp thuế diện tích đất nêu trên từ năm 1997 đến nay. Bà Nguyễn Thị C có đơn khiếu nại.

Ngày 04/5/1999, UBND thị xã T ban hành Quyết định số 260/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân với nội dung: "Diện tích đất hiện bà Nguyễn Thị C đang có đơn khiếu nại nguyên trước năm 1975 do gia đình bà Nguyễn Thị C quản lý sử dụng; sau năm 1975, khu đất này một phần nằm trong thửa 317 tờ bản đồ số 01 do Đoàn Địa chất 503 quản lý, đăng ký sử dụng, một phần thuộc thửa 175 tờ bản đồ số 01 do Hội nông dân phường P sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng lúa). Đến năm 1989, do yêu cầu quy hoạch xây dựng chợ Trung tâm T, Đoàn Địa chất 503 cũng như Hội nông dân tập thể phường P giao toàn bộ điện tích đất khu vực này lại cho Nhà nước. Năm 1990, UBND thị xã T xây dựng chợ Trung tâm. Từ năm 1975 đến năm 1993, gia đình bà Nguyễn Thị C không trực tiếp sử dụng diện tích đất này, không kê khai đăng ký sử dụng đất. Đến năm 1996, gia đình bà C có đến kê khai đăng ký nộp thuế nhà, đất và được UBND phường P thu thuế nhà, đất đối với gia đình bà trong 4 năm liền - từ 1993 đến 1996 với số tiền 298.000 đồng (Phiếu thu số 009326 ngày 29/10/1996) về hiện trạng thực tế: khu đất bà C đang có đơn khiếu nại một phần nằm trong lòng đường phía Nam xuống bến xe chợ Trung tâm, phần còn lại gia đình bà C tự chiếm sử dụng trồng rau, diện tích khoảng 135m^2. Từ nhận định trên, UBND thị xã T: Không công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Nguyễn Thị C vì nội dung khiếu nại đòi quyền sử dụng đất của bà trái quy định của pháp luật. Việc UBND phường P thu thuế nhà đất đối với bà C là chưa hợp lý, yêu cầu UBND phường P hoàn trả lại số tiền 298.000 đồng cho gia đình bà Nguyễn Thị C về khoản thu thuế nhà đất như đã nêu trên. Hộ bà Nguyễn Thị C nếu có nhu cầu sử dụng đất tại khu chợ trung tâm để làm nơi buôn bán thì lập thủ tục đăng ký nhận quyền sử dụng đất và thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành".

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 260/QĐ-UB ngày 04/5/1999, bà Nguyễn Thị C tiếp tục làm đơn khiếu nại.

Ngày 09/6/1999, Chủ tịch UBND thị xã T ban hành Công văn số 348/CV-UB về việc trả lời đơn tiếp khiếu của bà Nguyễn Thị C với nội dung như sau: "...Trên thực tế từ năm 1975 đến năm 1993, gia đình bà C không kê khai đăng ký, không sử dụng đất, không làm nghĩa vụ. Đến năm 1996, gia đình bà C mới đăng ký nộp thuế - từ năm 1993 đến 1996 (việc thu thuế của UBND phường P là chưa phù hợp với thực tế, yêu cầu UBND phường P trả số tiền đã thu cho bà C). Như vậy, gia đình bà C đã từ bỏ quyền sử dụng đất của mình. Hiện nay diện tích đất còn lại 135m^2 (sau khi đã làm đường) do UBND thị xã quản lý sử dụng. Khi tiến hành xây dựng chợ và các công trình khác tại khu đất này, đơn vị đăng ký, sử dụng là cơ quan Đoàn

Địa chất 503 và Hội nông dân phường P. Do vậy, khi thu hồi đất gia đình bà C không phải là người sử dụng đất hợp pháp nên không thể đặt vấn đề đền bù được".

Ngày 22/6/2001, UBND phường P nhận được đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị C v/v UBND phường P xây dựng lán trại trên phần diện tích đất của bà đang khiếu nại đòi quyền sử dụng đất. Sau khi xem xét hồ sơ có liên quan, UBND phường P trả lời bà C như sau: "Căn cứ Thông báo số 17/TB-UB ngày 19/5/2000 của UBND thị xã T về việc thống nhất chủ trương cho UBND phường P tạm quản lý sử dụng mặt bằng dọc kè của cầu M1 để làm lán trại tạm, di dời chợ gà tự phát... Trường hợp đất của bà chưa được Nhà nước giao quyền sử dụng. Phần diện tích đất này hiện nay do nhà nước trực tiếp quản lý. Khi nào bà được Nhà nước công nhận và giao quyền sử dụng phần diện tích đất trên, UBND phường P sẽ thu hồi đất để trả theo đúng nguyên hiện trạng ban đầu".

Ngày 26/5/2020, bà Nguyễn Thị C tiếp tục có đơn khiếu nại gửi đến UBND thành phố T.

Ngày 02/10/2020, UBND thành phố T ban hành Công văn số 1981/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị C với nội dung: "Dự án Chợ T đã hoàn thành và đưa vào sử dụng được khoảng 17 năm. Trước khi thực hiện dự án Chợ T, khu vực này do Đoàn địa chất 503 quản lý, sử dụng kê khai đăng ký tại sổ đăng ký ruộng đất (Sa). Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 và Điều 9, Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011, vụ việc của bà Nguyễn Thị C đã hết thời hiệu khiếu nại nên không đủ điều kiện thụ lý".

Ngày 20/12/2021, bà Nguyễn Thị C tiếp tục có đơn khiếu nại với nội dung tương tự như các nội dung đơn trước đây. UBND thành phố T ban hành Văn bản số 867/UBND ngày 12/5/2022 thông tin cho bà Nguyễn Thị C biết về việc không xem xét giải quyết đơn khiếu nại của bà C.

Ngày 22/5/2022, bà Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

(1) Hủy Quyết định số 260/UBND ngày 04/5/1999 của UBND thị xã T (nay là thành phố T);

(2) Hủy Công văn số 348/CV-UBND ngày 09/6/1999 của UBND thị xã T (nay là thành phố T) về việc trả lời đơn tiếp khiếu của bà Nguyễn Thị C;

(3) Buộc UBND thành phố T ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi và bồi thường đối với diện tích đất 135m^2 có tứ cận: Đông giáp mương nước Cầu M1, Tây giáp đường xuống chợ, Nam giáp đường Phan Đình Phùng, Bắc

giáp sông Trường Giang (hiện trạng đất hiện nay đã xây dựng khu chợ T) cho hộ bà Nguyễn Thị C theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị C thấy:

Tại Quyết định số 260/QĐ-UB ngày 04/5/1999, Chủ tịch UBND thị xã T quyết định: "Không công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Nguyễn Thị C ở Tổ 13, phường A, thị xã T, tỉnh Quảng Nam đối với khu đất ở vị trí phía Nam kế chợ Trung tâm giáp cầu M1 thuộc phường P vì nội dung khiếu nại đòi quyền sử dụng đất của bà trái quy định của pháp luật".

Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị C đối với Quyết định số 260/QĐ-UB nêu trên, ngày 09/6/1999, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Công văn số 348/CV-UB về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị C với nội dung: khi tiến hành xây dựng chợ và các công trình khác tại khu đất này gia đình bà C không phải là người sử dụng đất hợp pháp nên không thể đặt vấn đề đền bù được.

Bà Nguyễn Thị C không tiếp tục khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 26/5/2020, bà Nguyễn Thị C mới có đơn khiếu nại gửi đến UBND thành phố T, ngày 02/10/2020, UBND thành phố T ban hành Công văn số 1981/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị C với nội dung: căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 vụ việc của bà Nguyễn Thị C đã hết thời hiệu nên không đủ điều kiện thụ lý là đúng.

Điều 9 Luật khiếu nại năm 2011 quy định: "Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính; trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại".

Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 quy định: "Khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thụ lý giải quyết: thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý đo chính đáng".

Ngày 20/12/2021, bà C tiếp tục gửi đơn có nội dung tương tự như các nội dung đơn trước đây, UBND thành phố T ban hành Văn bản số 867/UBND ngày 12/5/2022 thông tin cho bà Nguyễn Thị C biết về việc không xem xét giải quyết đơn khởi kiện của bà C. Theo quy định tại Điều 116 Luật TTHC về thời kiệu khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, trường hợp của bà Nguyễn Thị C

đã hết thời hiệu 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.

Theo khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính quy định về thời hiệu khởi kiện như sau: "Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau:

+ 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai.

[3] Trong hồ sơ kháng cáo cũng như quá trình chuẩn bị xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên họp hôm nay, ông Nguyễn Xuân B là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C thừa nhận: Sau khi nhận Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 04/5/1999 và Công văn số 348/CV-UBND ngày 09/6/1999, bà C có gửi đơn khiếu nại nhiều nơi tuy nhiên hiện nay không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh, vì do lũ lụt làm trôi hết. Như vậy, người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh đã khiếu nại, khởi kiện các Quyết định hành chính nêu trên trong thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính và cũng không thuộc trường hợp có lý do chính đáng hoặc trở ngại khách quan.

Hội đồng phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 143, Điều 144 Luật tố tụng hành chính: Đình chỉ việc giải quyết vụ án là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng phiên họp phúc thẩm bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị C; giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị C được miễn án phí hành chính phúc thẩm do bà là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 243 Luật tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị C; giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 118/2023/QĐST-HC ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ III);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN HỌP PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Cường